TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày: 01-06-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lương Việt Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

Ông Nguyễn Văn Công.

- Thư ký phiên toà: Ông Chu Trần Khánh Vinh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Mai Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 06 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 04/2026/TLST-DS ngày 26 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2026 và quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (Ngân hàng S1); địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường X (địa chỉ cũ là phường V, quận C), Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng S1.

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Trách nhiệm hữu hạn MTV Q nợ và khai thác tài sản ngân hàng S (Công ty S2); địa chỉ trụ sở: Số B đường N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh; người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chức vụ: Tổng Giám đốc theo Quyết định số 3940/2024/QĐ-QTNNL ngày 25-09-2024 của Ngân hàng S1.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1998; căn cước công dân số: 075098019423; chức vụ: Nhân viên Công ty S2.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Thị Thùy T1, sinh ngày 06-07-1984; căn cước công dân số: 031184012247; nơi đăng ký thường trú và hiện cư trú tại: Số C đường Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ là Số C đường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định).

Tại phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy T1 có mặt. Ông Nguyễn Đình L có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ngày 20-08-2020 bà Đỗ Thị Thùy T1 có ký với Ngân hàng S1 hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm: giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Ngân hàng S1 đã phát hành cho bà Đỗ Thị Thùy T1 loại thẻ Visa Platinum Cashback và Family Credit EMV, hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng, lãi suất trong hạn của thẻ Platinum Cashback là 2,4%, của thẻ Family Credit EMV là 2,6%, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (chi tiết tại Điều 23 cách tính lãi của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); khách hàng phải chịu khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt (chi tiết tại Điều 25 các loại phí của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng)

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.648.659 đồng (trong đó thẻ C là 25.448.659 đồng và thẻ Family Credit EMV 3501488310 là 16.200.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 28.670.667 đồng, trong đó thẻ P thanh toán 18.161.000 đồng và Family Credit EMV là 10.509.667 đồng (thứ tự thanh toán theo quy định tại Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/hoặc lãi của kỳ trước; giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước; giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước; các khoản phí và/hoặc lãi trong kỳ; giao dịch rút tiền mặt trong kỳ; giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán trễ hạn thẻ tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ của thẻ tín dụng. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1, trong đó thẻ có số tài khoản 3185670837 ngày 06-08-2022, thẻ có số tài khoản 3501488310 ngày 23-08-2022 và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu, trong đó thẻ Platinum C là 20.726.329 đồng và thẻ Family Credit EMV là 13.561.174 đồng sang nợ quá hạn (chi tiết theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các yêu cầu của Ngân hàng S1 đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Đỗ Thị Thùy T1 phải trả ngay cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 01-06-2026 là 77.807.355 đồng (trong đó: Thẻ Platinum Cashback nợ gốc là 20.726.329 đồng, lãi quá hạn 25.643.032 đồng, tổng cộng là 46.369.361 đồng; thẻ Family Credit EMV nợ gốc là 13.561.174 đồng, lãi quá hạn 17.876.820 đồng, tổng cộng là 31.437.994 đồng).

- Bà Đỗ Thị Thùy T1 tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02-06-2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn là bà Đỗ Thị Thùy T1 trình bày: Bà xác nhận quá trình ký hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng trình bày là đúng. Bà xác nhận Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng do kinh tế khó khăn nên bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bị ngân hàng chấm dứt sử dụng thẻ và chuyển nợ sang nợ quá hạn như ngân hàng trình bày là đúng. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng:

Bà xác nhận sẽ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng S1 77.807.355 đồng (trong đó: Thẻ Platinum Cashback nợ gốc là 20.726.329 đồng, lãi quá hạn 25.643.032 đồng, tổng cộng là 46.369.361 đồng; thẻ Family Credit EMV nợ gốc là 13.561.174 đồng, lãi quá hạn 17.876.820 đồng, tổng cộng là 31.437.994 đồng).

3. Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình đã xác minh thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn; yêu cầu nguyên đơn, bị đơn giao nộp tài liệu chứng cứ; mở phiên họp công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải…

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về tố tụng: Căn cứ vào Điều 21, khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 48, Điều 97 và Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025), nhận xét đánh giá về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); Điều 116, 117, 275, 280, 351, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2024); Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1: Buộc bà Đỗ Thị Thùy T1 phải trả cho Ngân hàng S1 tổng số tiền tám tính hết ngày 01-06-2026 là 77.807.355 đồng (trong đó: Thẻ Platinum Cashback nợ gốc là 20.726.329 đồng, lãi quá hạn

25.643.032 đồng, tổng cộng là 46.369.361 đồng; thẻ Family Credit EMV nợ gốc là 13.561.174 đồng, lãi quá hạn 17.876.820 đồng, tổng cộng là 31.437.994 đồng). Bà Đỗ Thị Thùy T1 tiếp tục phải thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 02-06-2026 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Bà Đỗ Thị Thùy T1 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là Ngân hàng S1 yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với bà Đỗ Thị Thùy T1. Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng dân sự giữa một bên là doanh nghiệp có đăng ký kinh doanh với một bên là cá nhân không có đăng ký kinh doanh. Căn cứ khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025); khoản 16 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2024), Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng.

1.2. Thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Bà Đỗ Thị Thùy T1 có đăng ký thường trú và hiện đang cư trú tại địa chỉ: Số C đường Đ, phường N, tỉnh Ninh Bình (địa chỉ cũ là Số C đường Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định). Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

1.3. Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025).

[2] Về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng S1 với bà Đỗ Thị Thùy T1.

2.1. Về việc giao kết hợp đồng tín dụng:

Ngày 20-08-2020 bà Đỗ Thị Thùy T1 đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo mẫu của Ngân hàng S1. Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng có các nội dung cụ thể về hạn mức cấp tín dụng là 24.000.000 đồng, thông tin loại thẻ tín dụng đăng ký, thông tin cá nhân chủ thẻ chính, thông tin tài chính, đăng ký dịch vụ thanh toán tự động, phê duyệt hạn mức tín dụng của ngân hàng, cam kết của khách hàng... Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng có

chữ ký của chủ thẻ chính là bà Đỗ Thị Thùy T1, được người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng S1 phê duyệt, ký tên và đóng dấu. Xét thấy về hình thức và nội dung các điều khoản của Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân đều đã thực hiện đúng quy định của pháp luật; căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 119, Điều 385, Điều 398, Điều 400, Điều 401, Điều 405 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017) thì Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 20-08-2020 của bà Đỗ Thị Thùy T1 là hợp pháp và có hiệu lực thực hiện.

2.2. Về quá trình sử dụng thẻ tín dụng:

Ngân hàng S1 đã phát hành cho bà Đỗ Thị Thùy T1 thẻ tín dụng Visa Platinum Cashback có số tài khoản 3185670837, thẻ Family Credit EMV có số tài khoản 3501488310, hạn mức tín dụng là 24.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (chi tiết tại Điều 23 cách tính lãi của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng); khách hàng phải chịu khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt (chi tiết tại Điều 25 các loại phí của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 41.648.659 đồng (trong đó thẻ Cashback có số tài khoản 3185670837 là 25.448.659 đồng và thẻ Family Credit EMV có số tài khoản 3501488310 là 16.200.000 đồng). Trong quá trình sử dụng thẻ, bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 28.670.667 đồng, trong đó thẻ P thanh toán 18.161.000 đồng và Family Credit EMV là 10.509.667 đồng (thứ tự thanh toán theo quy định tại Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà T1 đã thanh toán trễ hạn thẻ tín dụng, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ của thẻ tín dụng. Như vậy bà Đỗ Thị Thùy T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng S1.

2.3. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1:

Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên theo Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T1 (trong đó thẻ có số tài khoản 3185670837 ngày 06-08-2022, thẻ có số tài khoản 3501488310 ngày 23-08-2022) và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (chi tiết theo Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Căn cứ nhận định tại mục 2.2 về việc bà Đỗ Thị Thùy T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo các điều khoản của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ký ngày 20-08-2020 và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S1. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng

Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S1: Buộc bà Đỗ Thị Thùy T1 phải trả Ngân hàng tổng số tiền tính đến hết ngày 01-06-2026 là 77.807.355 đồng (trong đó: Thẻ Platinum Cashback nợ gốc là 20.726.329 đồng, lãi quá hạn 25.643.032 đồng, tổng cộng là 46.369.361 đồng; thẻ Family Credit EMV nợ gốc là 13.561.174 đồng, lãi quá hạn 17.876.820 đồng, tổng cộng là 31.437.994 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Đỗ Thị Thùy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng S1 nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng S1 không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm, số tiền tạm ứng án phí Ngân hàng S1 đã nộp sẽ được trả lại.

Bà Đỗ Thị Thùy T1 có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả là: 77.807.355 đồng x 5% = 3.890.000 đồng (đã làm tròn số).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 119; Điều 385; Điều 398; Điều 400; Điều 401; Điều 405; khoản 1 Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 16 Điều 4; khoản 1, khoản 2 Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017)

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S: Buộc bà Đỗ Thị Thùy T1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền nợ tính đến hết ngày 01-06-2026 là 77.807.355 (Bảy mươi bảy triệu, tám trăm linh bảy nghìn, ba trăm năm mươi lăm) đồng (trong đó: Thẻ Platinum Cashback có số tài khoản 3185670837 nợ gốc là 20.726.329 đồng, lãi quá hạn 25.643.032 đồng, tổng cộng là 46.369.361 đồng; thẻ Family Credit EMV có số tài khoản 3501488310 nợ

gốc là 13.561.174 đồng, lãi quá hạn 17.876.820 đồng, tổng cộng là 31.437.994 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bà Đỗ Thị Thùy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần S được trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.648.732 (Một triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, bảy trăm ba mươi hai) đồng đã nộp tại biên lai số ngày 0010671 ngày 20-01-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 - Thành phố Hồ Chí Minh).

+ Bà Đỗ Thị Thùy T1 phải nộp số tiền 3.890.000 đồng (Ba triệu, tám trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, Điều 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2025)

Bà Đỗ Thị Thùy T1 có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đã ký

Lương Việt Bằng